

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN THẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 133 /TM-BVTH

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2024

THƯ MỜI QUAN TÂM
V/v: Mời cung cấp báo giá hóa chất, vật tư tiêu hao

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp hóa chất, vật tư tiêu hao trên toàn quốc

Bệnh viện Thận Hà Nội (bệnh viện) xin gửi tới Quý Công ty lời chào trân trọng.

Hiện nay Bệnh viện đang có nhu cầu tham khảo thông tin về các mặt hàng hóa chất, vật tư tiêu hao trên thị trường để xây dựng danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật hàng hóa làm căn cứ triển khai lập dự toán mua sắm hóa chất, vật tư tiêu hao phục vụ công tác khám chữa bệnh trong 24 tháng (*danh mục hàng hóa đính kèm tại Phụ lục II*).

Bệnh viện Thận Hà Nội kính mời các đơn vị quan tâm, có đủ năng lực, kinh nghiệm cung cấp hồ sơ tài liệu liên quan đến danh mục mời quan tâm về bệnh viện. Quý công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về hồ sơ chào giá cung cấp cho bệnh viện.

1. Thời gian và địa điểm, phương thức tiếp nhận hồ sơ chào giá:

- Thời gian tiếp nhận: Từ 8 giờ ngày 12/9/2024 đến trước 17 giờ ngày 24/9/2024 (trong giờ hành chính).
- Địa điểm tiếp nhận: Bộ phận Văn thư – Phòng hành chính – Tổ chức, Bệnh viện Thận Hà Nội, số 70 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 0243. 7732265.

- Phương thức tiếp nhận: Nhận trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện. Hồ sơ chào giá phải được gửi đến bệnh viện theo đúng thời gian tiếp nhận đã quy định. *Tất cả tài liệu được đóng trong bao bì dán kín, bên ngoài ghi rõ: “Báo giá hóa chất, vật tư tiêu hao theo Thư mời quan tâm của Bệnh viện Thận Hà Nội”.*

2. Yêu cầu hồ sơ chào giá:

- Báo giá theo mẫu (*đính kèm tại Phụ lục I*) (Bản gốc)
- Catalog, cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật.

Thông tin cần giải đáp xin liên hệ Khoa dược, Bệnh viện Thận Hà Nội:

Điện thoại: 0243. 7754338 (trong giờ hành chính).

Đề nghị Công ty gửi kèm File mềm (Word, Excel) qua email theo địa chỉ:
bvthnkhoaduoc@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HSĐT.



Phan Tùng Linh

Tên đơn vị báo giá

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Thư mời số, 433/TM-BVTH ngày 11 tháng 9 năm 2024 của

Bệnh viện Thận Hà Nội)

Kính gửi: Bệnh viện Thận Hà Nội

TT	TT theo Thư mời	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Ký mã hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT)	IVD/RUO/ LUO/Không phải là TTBYT	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

Cột 12: Đơn vị chào giá ghi rõ IVD/RUO/LUO/Không phải là trang thiết bị y tế

....., Ngàythángnăm 2024
Đại diện hợp pháp của Công ty
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II

DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI QUAN TÂM

(Kèm theo Thư mời số: 433 /TM-BVTH ngày 11 tháng 9 năm 2024 của
Bệnh viện Thận Hà Nội)

TT	TÊN HÀNG HÓA
PHẦN 1. HÓA CHẤT, VẬT TƯ TIÊU HAO PHỤC VỤ CÁC KỸ THUẬT LỌC MÁU	
1	Acid Citric (dạng tinh thể)
2	Bộ dây lọc máu dùng cho kỹ thuật HDF online tương thích với máy HDF online 5008s hoặc tương đương
3	Bột khô pha dịch đậm đặc chạy thận nhân tạo A (Acid)
4	Bột khô pha dịch đậm đặc chạy thận nhân tạo B (Bicarbonat)
5	Catheter đường hầm dùng trong chạy thận nhân tạo
6	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng
7	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng
8	Dây dẫn máu dùng cho kỹ thuật lọc huyết tương, sử dụng tương thích với Máy lọc huyết tương Plasauto EZ hoặc tương đương
9	Dây dẫn máu dùng cho kỹ thuật thay thế huyết tương, sử dụng tương thích với Máy lọc huyết tương Plasauto EZ hoặc tương đương
10	Dây nối quả lọc hấp phụ và quả lọc thận nhân tạo
11	Dây truyền máu dùng cho lọc thận (vuốt 8)
12	Dung dịch làm sạch và khử trùng máy lọc thận nhân tạo
13	Dung dịch làm sạch và khử trùng quả lọc thận nhân tạo
14	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc A (Acid)
15	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc B (Bicarbonat)
16	Javen đậm đặc
17	Kim Fistula 16G (AVF)
18	Kim Fistula 16G (AVF) đầu tù
19	Lõi lọc 20" - 5 μ m (loại béo)
20	Mạch nhân tạo (làm cầu AVG)
21	Muối hoàn nguyên (Muối tái sinh dạng viên)
22	Phin lọc khí dùng trong chạy thận nhân tạo
23	Quả lọc có hệ số siêu lọc cao, diện tích bề mặt $\geq 1,5m^2$ (quả khô)
24	Quả lọc có hệ số siêu lọc cao, diện tích bề mặt $\geq 1,5m^2$ (quả ướt)
25	Quả lọc có hệ số siêu lọc thấp, diện tích bề mặt $\geq 1,5m^2$
26	Quả lọc có hệ số siêu lọc trung bình, diện tích bề mặt $\geq 1,5m^2$
27	Quả lọc dịch sau máy thận, tạo ra dịch lọc siêu sạch
28	Quả lọc hấp phụ máu

TT	TÊN HÀNG HÓA
29	Quả lọc huyết tương sử dụng tương thích với Máy lọc huyết tương Plasauto EZ hoặc tương đương
30	Quả tách huyết tương sử dụng tương thích với Máy lọc huyết tương Plasauto EZ hoặc tương đương
31	Test kiểm tra độ cứng của nước
32	Test kiểm tra tồn dư chlorine
33	Test thử hiệu năng Peracetic Acid trong chạy thận nhân tạo
34	Test thử tồn dư Peroxide trong chạy thận nhân tạo
PHẦN 2. HÓA CHẤT KHỬ TRÙNG, TẨY RỬA, KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN	
35	Bột khử khuẩn dụng cụ y tế
36	Cloramin B 25% (dạng bột)
37	Cloramin B 25% (dạng viên)
38	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ
39	Dung dịch rửa tay nhanh
40	Dung dịch rửa tay phẫu thuật
41	Dung dịch rửa tay thường quy
42	Hỗn hợp chất khử khuẩn mức độ cao dụng cụ (dạng bột)
43	Viên khử khuẩn
PHẦN 3. HÓA CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG TƯƠNG THÍCH VỚI MÁY PHÂN TÍCH HUYẾT HỌC TỰ ĐỘNG XS 1000i HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG	
44	Dung dịch rửa máy
45	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm huyết học mức thấp, mức bình thường, mức cao
46	Dung dịch đo nồng độ Hemoglobin trong máu
47	Dung dịch ly giải hồng cầu
48	Dung dịch nhuộm tế bào bạch cầu
49	Dung dịch pha loãng máu
PHẦN 4. VẬT TƯ DÙNG CHO KỸ THUẬT THẨM PHÂN PHỨC MẠC LIÊN TỤC NGOẠI TRÚ (CAPD)	
50	Kẹp catheter
51	Bộ chuyển tiếp
52	Nắp đóng bộ chuyển tiếp
PHẦN 5. GĂNG TAY	
53	Găng phẫu thuật tiệt trùng kích cỡ 6,5-7,0-7,5
54	Găng hộ lý

TT	TÊN HÀNG HÓA
55	Găng tay khám
56	Găng tay sợi
PHẦN 6. CÁC LOẠI TEST XÉT NGHIỆM NHANH	
57	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B
58	Test nhanh chẩn đoán cúm
59	Test nhanh chẩn đoán HIV
60	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết, phát hiện kháng nguyên Dengue NS1
61	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết, phát hiện kháng thể Dengue IgG/IgM
62	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C
PHẦN 7. BƠM TIÊM, KIM TIÊM, DÂY TRUYỀN	
63	Bơm tiêm 10ml
64	Bơm tiêm 1ml
65	Bơm tiêm 20ml
66	Bơm tiêm 50ml
67	Bơm tiêm 50ml có đầu ăn
68	Bơm tiêm 5ml
69	Bơm tiêm điện 20ml
70	Dây nối bơm tiêm điện
71	Dây truyền dịch
72	Dây truyền máu
73	Kim đốc nhựa G18
74	Kim lườn cỡ 16G, 18G, 20G, 22G, 24G loại có cánh
75	Kim truyền cánh bướm người lớn
PHẦN 8. BÔNG, BĂNG DÍNH, GẠC	
76	Băng cuộn 7cm x 2,5m
77	Băng cá nhân vải Urgo (kích thước tối thiểu 2cm x 6cm)
78	Băng dính lụa ($\geq 4,5$ m x 5cm)
79	Băng phim dính y tế trong suốt, tiệt trùng (kích thước tối thiểu 10cm x 9cm)
80	Băng thun 3 móc (rộng khoảng 10cm, dài khoảng 540-550cm)
81	Bông không thấm
82	Bông thấm
83	Bông viên y tế vô trùng gói 50 gam/ 100 gam
84	Gạc cầu đường kính 40mm
85	Gạc mét
86	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm, tối thiểu 8 lớp, vô trùng

TT	TÊN HÀNG HÓA
87	Gạc phẫu thuật 30cm x 40cm, tối thiểu 4 lớp, vô trùng
88	Gạc thận nhân tạo (kích thước 3,5cm x 4,5cm x 80 lớp)
89	Miếng dán y tế trong suốt, tiệt trùng (kích thước tối thiểu 5cm x 8cm)
PHẦN 9. HÓA CHẤT, VẬT TƯ TIÊU HAO XÉT NGHIỆM	
90	Anti-RH1 10ml - Anti D
91	Anti Human Globulin 10ml
92	Bộ panel sàng lọc kháng thể bất thường
93	Bộ thuốc nhuộm Giemsa
94	Bộ thuốc nhuộm Gram
95	Cốc đựng bệnh phẩm 3ml
96	Cồn 90° chai 500ml-1000ml
97	Cồn tuyệt đối chai 500ml-1000ml
98	Đầu col vàng
99	Đầu col xanh
100	Dung dịch Natricitrat 3.8%, chai 500ml - 1000ml
101	Giếng nhựa có nắp 1,5ml
102	Hồng cầu mẫu
103	Huyết thanh mẫu ABO (1 bộ gồm 3 lọ: anti A, anti B, anti AB)
104	Lam kính
105	Lamen
106	Lọ lấy mẫu vô trùng, dung tích 50ml-55ml
107	NaOH tinh khiết, hàm lượng $\geq 99,5\%$, chai 500gam-1000gam
108	Nắp tuýp nhựa 8cm
109	Ống mẫu dùng cho phân tích huyết học EDTA K2 hoặc K3, hút chân không
110	Parafin ống ≥ 5 ml
111	Que cấy vi sinh
112	Toluen chai 500ml-1000ml
113	Tuýp Chống đông Citrat
114	Tuýp chống đông EDTA
115	Tuýp Li-Heparin
116	Tuýp nhựa 8 cm
117	Tuýp Serum
118	Tuýp thủy tinh 10cm đường kính 16mm x 10cm
119	Tuýp thủy tinh 8cm
PHẦN 10. CÁC LOẠI CHỈ	
120	Chỉ tự tiêu số 0

TT	TÊN HÀNG HÓA
121	Chỉ tự tiêu số 1/0
122	Chỉ tự tiêu số 2/0
123	Chỉ tự tiêu số 3/0
124	Chỉ tự tiêu số 4/0
125	Chỉ tự tiêu số 5/0
126	Chỉ không tiêu Nylon số 2/0
127	Chỉ không tiêu Nylon số 3/0
128	Chỉ không tiêu Nylon số 4/0
129	Chỉ không tiêu polypropylene số 5.0
130	Chỉ không tiêu polypropylene số 6.0
131	Chỉ không tiêu polypropylene số 7/0
132	Chỉ không tiêu polypropylene số 8/0
133	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0
PHẦN 11. HÓA CHẤT, VẬT TƯ TIÊU HAO KHÁC	
134	Gel siêu âm
135	Bàn chải rửa tay phẫu thuật
136	Bầu lọc
137	Cán tay dao điện
138	Canuyn
139	Chỉ thị nhiệt hóa học
140	Dẫn lưu silicon số 5
141	Dẫn lưu silicon số 7
142	Dây điện đơn cực dùng cho dao điện mổ nội soi
143	Dây điện lưỡng cực dùng cho dao điện mổ mở
144	Dây điện lưỡng cực dùng cho dao điện mổ nội soi
145	Dây garo
146	Điện cực tán sỏi sử dụng tương thích với máy tán sỏi E3000 hoặc tương đương
147	Điện cực tim
148	Gel bôi tiếp xúc chai $\geq 250\text{ml}$
149	Gel bôi trơn KY hoặc tương đương
150	Giấy điện tim 6 cần
151	Giấy giấy dùng 1 lần
152	Giấy in nhiệt 5cm-5,5cm
153	Giấy in nhiệt 7cm
154	Giấy in siêu âm đen trắng
155	Guide cứng
156	Guide wire

TT	TÊN HÀNG HÓA
157	Hộp đựng vật sắc nhọn - Hộp kháng khuẩn loại 5 lít
158	Huyết áp cơ người lớn
159	Khăn giấy kích thước khoảng 320mm x 320mm
160	Khẩu trang N95 hoặc tương đương
161	Khẩu trang phẫu thuật
162	Khẩu trang y tế
163	Khóa 3 chạc
164	Kim gây tê tùy sống các kích cỡ
165	Lưỡi dao mổ số 11
166	Lưỡi dao mổ số 15
167	Mask khí dung người lớn
168	Mask thanh quản các kích cỡ
169	Mask thở oxy các cỡ
170	Mask thở oxy có túi
171	Mũ phẫu thuật
172	Ống đặt Nội khí quản các số
173	Ống hút nhót, dịch các kích cỡ
174	Ống nghe sử dụng cho huyết áp cơ người lớn
175	Opsite cố định kim lùn
176	Panh
177	Phim X Quang KTS 20*25cm
178	Pipet Pasteur nhựa 3ml
179	Que thử Đường huyết kèm thiết bị lấy máu dùng 1 lần
180	Rọ domani
181	Săng phẫu thuật 50 x 50 có lỗ
182	Săng phẫu thuật 50 x 50 không lỗ
183	Sond dạ dày người lớn
184	Sond foley 2 nhánh các số
185	Sond hút đờm dãi
186	Sonde JJ 12 tháng các số
187	Sonde JJ 12 tháng số 4,5Fr-4,8Fr
188	Sonde JJ 3 tháng số 6
189	Sonde JJ 3 tháng số 7
190	Sonde oxy 2 nhánh người lớn
191	Sonde tiểu 14 Fr (2 chạc, 3 chạc)
192	Sonde tiểu 16 Fr (2 chạc, 3 chạc)
193	Sonde tiểu 18 Fr (2 chạc, 3 chạc)
194	Sonde tiểu 3 chạc 20 Fr

TT	TÊN HÀNG HÓA
195	Sonde tiểu 3 chạc 22 Fr
196	Surgisel
197	Tấm mask dao điện
198	Tấm trái nilong
199	Túi đựng nước tiểu
200	Túi luồn camera
PHẦN 12. HÓA CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG TƯƠNG THÍCH VỚI MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG AU 480 HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG	
201	Hóa chất định lượng Albumin
202	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa
203	Hóa chất đo hoạt độ Amylase
204	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần
205	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp
206	Hóa chất định lượng Calci toàn phần
207	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cystatin C
208	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm cystatin mức cao
209	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm cystatin mức cao
210	Hóa chất định lượng Cholesterol toàn phần
211	Bộ thuốc thử đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)
212	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB
213	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm CK-MB
214	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm CK-MB
215	Hóa chất đo hoạt độ CK (Creatine kinase)
216	Hóa chất định lượng Creatinin
217	Hóa chất định lượng CRP
218	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP độ nhạy cao
219	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường
220	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm CRP
221	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy
222	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy
223	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm sinh hóa nước tiểu mức 1
224	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm sinh hóa nước tiểu mức 2
225	Hóa chất định lượng Ferritin
226	Hóa chất đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)
227	Hóa chất định lượng Glucose
228	Hóa chất đo hoạt độ ALT (GPT)
229	Hóa chất đo hoạt độ AST (GOT)
230	Hóa chất định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)
231	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol
232	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL

TT	TÊN HÀNG HÓA
233	Hóa chất định lượng Sắt
234	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch
235	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch
236	Hóa chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch
237	Hóa chất định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)
238	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL
239	Hóa chất định lượng Albumin trong nước tiểu, dịch não tủy
240	Chất hiệu chuẩn albumin trong nước tiểu/dịch não tủy
241	Hóa chất định lượng Protein nước tiểu
242	Hóa chất định lượng Phospho vô cơ
243	Hóa chất định lượng Protein toàn phần
244	Hóa chất định lượng Transferin
245	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein
246	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Protein mức 1
247	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Protein mức 2
248	Hóa chất định lượng Triglycerid
249	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy
250	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt nhóm 1
251	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt nhóm 2
252	Hóa chất định lượng Ure
253	Hóa chất định lượng Acid Uric
254	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm sinh hóa nước tiểu thường quy
255	Hóa chất xét nghiệm Zinc
256	Chất chuẩn cho xét nghiệm Zinc
257	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm sinh hóa mức bình thường
258	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm sinh hóa mức bệnh lý
259	Hóa chất định lượng HbA1c
260	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm HbA1c
261	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng HbA1c
262	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c
263	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm beta2-Microglobulin
264	Chất chuẩn cho xét nghiệm beta2-Microglobulin
265	Hóa chất dùng cho xét nghiệm beta-2 Microglobulin (hóa chất định lượng beta-2 Microglobulin)
266	Hóa chất định lượng bổ thể C3 trong máu
267	Hóa chất định lượng bổ thể C4 trong máu
268	Hóa chất định lượng Procalcitonin trong máu
269	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng Procalcitonin trong máu
270	Chất kiểm chứng xét nghiệm định lượng Procalcitonin trong máu
271	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm sinh hóa nước tiểu
272	Bóng đèn Halogen 12V, 20W

TT	TÊN HÀNG HÓA
273	Kim hút bệnh phẩm
274	Kim hút thuốc thử
275	Dây bơm nhu động
276	Cổng phản ứng trong buồng đo
277	Hạt nhựa lọc nước
278	Màng lọc RO cho hệ thống lọc nước tự động của máy xét nghiệm
279	Hóa chất đo hoạt độ LDH
280	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Prealbumin
281	Hóa chất định lượng Prealbumin
282	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Apo A1 & B Calibrator
283	Hóa chất định lượng Apo A1
284	Hóa chất định lượng Apo B
285	Xy lanh hút bệnh phẩm
286	Xy lanh hút hóa chất
287	Lõi lọc PP 10" 5micron
288	Lõi lọc carbon 20"
PHẦN 13. HÓA CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG TƯƠNG THÍCH VỚI MÁY PHÂN TÍCH ĐIỆN GIẢI AVL 9180 HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG	
289	Dung dịch rửa máy
290	Dung dịch kiểm chứng dành cho máy phân tích điện giải mức thấp, mức bình thường, mức cao
291	Thuốc thử dành cho máy điện giải
292	Dung dịch điều hòa điện cực Natri
293	Dung dịch pha loãng nước tiểu
294	Điện cực Kali
295	Điện cực Calci
296	Điện cực Natri
297	Điện cực Clo
298	Điện cực tham chiếu ISE
299	Điện cực tham chiếu housing
300	Dây bơm thuốc thử
301	Trục xoay dây bơm nhu động
302	Bộ dẫn mẫu thử
PHẦN 14. HÓA CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG TƯƠNG THÍCH VỚI MÁY MIỄN DỊCH HÓA PHÁT QUANG ARCHITECH I1000SR HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG	
303	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Testosterone
304	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Testosterone
305	Hóa chất định lượng Testosterone
306	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm LH

TT	TÊN HÀNG HÓA
307	Hóa chất định lượng LH
308	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Estradiol
309	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Estradiol
310	Hóa chất định lượng Estradiol
311	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Prolactin
312	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Prolactin
313	Hóa chất định lượng Prolactin
314	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm PSA toàn phần
315	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm PSA toàn phần
316	Hóa chất định lượng PSA toàn phần
317	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm PSA tự do
318	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm PSA tự do
319	Hóa chất định lượng PSA tự do
320	Dung dịch đệm rửa
321	Dung dịch tiền xúc tác phản ứng
322	Dung dịch xúc tác phản ứng
323	Dung dịch rửa kim
324	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm FSH
325	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm FSH
326	Hóa chất định lượng FSH
327	Hóa chất định lượng CEA
328	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CEA
329	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm CEA
330	Hóa chất định lượng Cortisol
331	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Cortisol
332	Hóa chất nội kiểm chung cho các xét nghiệm miễn dịch
333	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm T4 tự do
334	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm T4 tự do
335	Hóa chất định lượng T4 tự do
336	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm TSH
337	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm TSH
338	Hóa chất định lượng TSH
339	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm AFP
340	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm AFP
341	Hóa chất định lượng AFP
342	Hóa chất định lượng Intact PTH
343	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Intact PTH
344	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Intact PTH
345	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm T3 toàn phần
346	Hóa chất định lượng T3 toàn phần
347	Hóa chất xét nghiệm CA 15-3

TT	TÊN HÀNG HÓA
348	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm CA 15-3
349	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 15-3
350	Hóa chất xét nghiệm CA 19-9
351	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm CA 19-9
352	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 19-9
353	Hóa chất xét nghiệm CA125
354	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm CA 125
355	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 125
356	Màng ngăn
357	Cóng phản ứng
358	Hóa chất định lượng Anti TG
359	Hóa chất kiểm tra chất lượng cho xét nghiệm định lượng Anti TG
360	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Anti TG
361	Bộ thuốc thử định lượng Anti TPO
362	Bộ mẫu chứng xét nghiệm định lượng Anti TPO
363	Bộ hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Anti TPO
364	Hóa chất định lượng Troponin I
365	Hóa chất kiểm tra chất lượng cho xét nghiệm định lượng Troponin I
366	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Troponin I
367	Hóa chất định lượng SCC
368	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng SCC
369	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng SCC
370	Hóa chất định lượng vitamin B12
371	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng vitamin B12
372	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng vitamin B12
373	Hóa chất định lượng HE4
374	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng HE4
375	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng HE4
376	Hóa chất định lượng BNP
377	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng BNP
378	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng BNP
379	Hóa chất định lượng NGAL trong nước tiểu
380	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng NGAL trong nước tiểu
381	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng NGAL trong nước tiểu
382	Hóa chất kiểm tra chất lượng cho xét nghiệm định lượng Folate
383	Hóa chất định lượng Folate
384	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Folate
PHẦN 15. HÓA CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG TƯƠNG THÍCH VỚI MÁY XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU 4 CHỈ SỐ COMPACT X HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG	

TT	TÊN HÀNG HÓA
385	Hoá chất xác định thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần (Hoá chất xét nghiệm APTT)
386	Hoá chất xác định thời gian Thrombin (Hoá chất xét nghiệm TT)
387	Hóa chất nội kiểm mức 2
388	Hóa chất nội kiểm mức 1
389	Cuvette dùng cho máy xét nghiệm đông máu
390	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen
391	Hóa chất xác định thời gian Prothrombin (Hoá chất xét nghiệm PT)
392	Hóa chất rửa máy đông máu
393	Hóa chất xét nghiệm D-dimer
394	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm D-dimer mức thấp
395	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm D-dimer mức cao
PHẦN 16. HÓA CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG TƯƠNG THÍCH VỚI MÁY ĐO ÁP LỰC THÂM THẤU OSMOMAT 3000 HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG	
396	Chất chuẩn sử dụng cho máy đo áp lực thẩm thấu
397	Cồng đo sử dụng cho máy đo áp lực thẩm thấu
PHẦN 17. HÓA CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG TƯƠNG THÍCH VỚI MÁY PHÂN TÍCH NƯỚC TIỂU COMBI SCAN 500 HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG	
395	Que thử nước tiểu ≥ 11 thông số
399	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm phân tích nước tiểu, 2 mức nồng độ
PHẦN 18. HÓA CHẤT, VẬT TƯ SỬ DỤNG TƯƠNG THÍCH VỚI MÁY KIỂM TRA NỘI ĐỘC TỔ VI KHUẨN ENDOSAFE PTS100 HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG	
400	Test kiểm tra nội độc tố vi khuẩn, độ nhạy $\leq 0,005$ EU/ml
Tổng số: 400 khoản	